

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01** /2023/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 14 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình và Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình và Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các

khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình và Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Sửa đổi bổ sung khoản 12 Điều 12 như sau:

12. Thu tiền sử dụng đất khác (không thuộc những trường hợp quy định tại khoản 11 Điều này) thực hiện phân chia ngân sách như sau:

a) Huyện Nho Quan:

Thị trấn Nho Quan và các xã trên địa bàn huyện: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 60%, ngân sách cấp xã 10%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

b) Huyện Gia Viễn:

Các xã Gia Thanh, Gia Xuân, Gia Trăn, Gia Lập, Gia Vân, Gia Thịnh, Gia Vượng và thị trấn Me: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 60%, ngân sách cấp xã 10%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Liên Sơn, Gia Hòa, Gia Sinh, Gia Hưng, Gia Minh, Gia Lạc, Gia Phú, Gia Thắng, Gia Tân, Gia Tiến, Gia Phong, Gia Phương, Gia Trung: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 58%, ngân sách cấp xã 12%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

c) Huyện Hoa Lư:

Thị trấn Thiên Tôn và các xã trên địa bàn huyện: ngân sách cấp tỉnh 45%, ngân sách cấp huyện 50%, ngân sách cấp xã 5%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

d) Huyện Yên Khánh:

Các xã Khánh Vân, Khánh Hải, Khánh Nhạc và thị trấn Yên Ninh: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 60%, ngân sách cấp xã 10%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Khánh Hòa, Khánh Phú, Khánh An, Khánh Hội: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 58%, ngân sách cấp xã 12%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Khánh Tiên, Khánh Công: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 45%, ngân sách cấp xã 25%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Khánh Cường, Khánh Mậu, Khánh Thiện, Khánh Thành, Khánh Trung, Khánh Thủy, Khánh Lợi, Khánh Hồng, Khánh Cư: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 55%, ngân sách cấp xã 15%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

đ) Huyện Yên Mô:

Thị trấn Yên Thịnh: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 64%, ngân sách cấp xã 6%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Mai Sơn, Yên Lâm, Yên Từ, Yên Mạc: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 62%, ngân sách cấp xã 8%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Yên Đồng, Yên Thành, Khánh Thượng, Yên Thắng, Yên Hòa, Yên Thái, Khánh Thịnh, Khánh Dương, Yên Phong, Yên Mỹ, Yên Hưng, Yên Nhân: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 60%, ngân sách cấp xã 10%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền

bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

e) Huyện Kim Sơn:

Các xã Hội Ninh, Kim Hải, Kim Mỹ, Kim Tân, Kim Trung: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 34%, ngân sách cấp xã 36%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Hùng Tiến, Như Hòa, Quang Thiện, Đồng Hương, Kim Chính, Thượng Kiệt, Lưu Phương và thị trấn Phát Diệm, thị trấn Bình Minh: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 66%, ngân sách cấp xã 4%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Xuân Chính, Chát Bình, Kim Định, Ân Hòa, Tân Thành, Yên Lộc, Lai Thành, Định Hóa, Văn Hải, Cồn Thoi, Kim Đông: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 61%, ngân sách cấp xã 9%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

g) Thành phố Tam Điệp:

Các xã, phường trên địa bàn thành phố: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 65%, ngân sách cấp xã 5%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

h) Thành phố Ninh Bình:

Các xã, phường trên địa bàn thành phố: ngân sách cấp tỉnh 40%, ngân sách cấp huyện 57%, ngân sách cấp xã 3%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

i) Riêng đối với các khu đất trên địa bàn tỉnh thực hiện giao đất tái định cư mà chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có) để thực hiện dự án tái định cư là chi phí của dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và các khu đất thực hiện đấu giá, đấu thầu dự án lựa chọn chủ đầu tư có sử dụng đất phân chia 100% số thu tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh để tạo nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, thanh toán nợ xây dựng cơ bản và các nhiệm vụ khác theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn vị trí, xác định diện tích, chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“ 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

Điều 15. Cấp lại số thu tiền sử dụng đất quy định tại khoản 12 Điều 12 của Quy định này cho các huyện, thành phố

1. Cấp lại số thu tiền sử dụng đất đã phân chia ngân sách cấp tỉnh quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 12 Điều 12 của Quy định này cho các huyện, thành phố đối với các khu đất đấu giá trên địa bàn các huyện, thành phố để tạo nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất quy định tại điểm i khoản 12 Điều 12 của Quy định này cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để thực hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có).”.

2. Bãi bỏ Điều 13 Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT và TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Tuất